

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II MÔN TOÁN 7
NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Tỉ lệ thức và đại lượng tỉ lệ	Tỉ lệ thức	3 (TN1,2,3) 0,75đ	1TL (1,0đ)							62,5%
		Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	1 (TN4) 0,25đ			1TL (1,0đ)	1TL (1,5đ)				
		Đại lượng tỉ lệ thuận Đại lượng tỉ lệ nghịch	3 (TN5,6,7) 0,75đ						1TL (1,0đ)		
2	Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác	- Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác - Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên - Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	2 (TN8,9) 0,5đ			1TL (1,0đ)				37,5%	
		- Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác - Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác	3(TN 10,11,12) 0,75đ			1TL (1,0đ)	1TL (0,5đ)				
Tổng: Số câu			12	1		3		2		1	19
Tổng: Điểm			3,0	1,0		3,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II, MÔN TOÁN – LỚP 7
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Tỉ lệ thức và đại lượng tỉ lệ	Tỉ lệ thức	Nhận biết: - Nhận biết được hai tỉ số có lập được tỉ lệ thức hay không - Nhận biết được tính chất của tỉ lệ thức - Nhận biết được các tỉ lệ thức có thể lập được từ đẳng thức cho trước Câu 1,2,3 (TN) - Tìm x trong tỉ lệ thức đơn giản Câu 13.1a. (TL)	3TN (0,75) 1TL (1,0)			
		Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết - Nhận biết được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau Câu 4 (TN)	1TN (0,25)			
			Thông hiểu – Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để tìm x, y, z Câu 13.1b. (TL)		1TL (1,0)		
			Vận dụng thấp – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với tính chất dãy tỉ số bằng nhau. (ví dụ: các bài toán liên quan đến tính số cây trồng, số học sinh, tính cạnh của tam giác, các góc trong tam giác,...). Câu 13.2(TL)			1TL (1,5)	
		Đại lượng tỉ lệ thuận Đại lượng tỉ lệ nghịch	Nhận biết - Nhận biết được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận - Nhận biết được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ nghịch - Nhận biết được hệ số tỉ lệ trong công thức liên hệ giữa hai	3TN (0,75)			

			đại lượng tỉ lệ thuận hoặc hai đại lượng tỉ lệ nghịch Câu 5,6,7 (TN)				
			Vận dụng cao – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch Câu 16 (TL)				1TL (1,0)
2	Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác	- Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác - Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên - Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	Nhận biết - Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. - Nhận biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. - Nhận biết được quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong tam giác - Nhận biết được quan hệ giữa 3 cạnh trong 1 tam giác Câu 8,9 (TN) Thông hiểu - Xác định được độ dài ba đoạn thẳng cho trước có phải là ba cạnh của tam giác không - So sánh được các góc khi biết độ dài cạnh dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối diện trong tam giác hoặc ngược lại. Câu 14 (TL)	2TN (0,5)		1TL (1,0)	
		- Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác - Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác	Nhận biết - Nhận biết được các đường trung tuyến, đường phân giác, trong tam giác - Nhận biết sự đồng quy của các đường trung tuyến, phân giác trong tam giác - Nhận biết được trọng tâm của tam giác Câu 10, 11,12 (TN)	3TN (0,75)			
			Thông hiểu - Chứng minh được hai tam giác bằng nhau khi biết một số yếu tố trong trường hợp đơn giản Vẽ hình + Câu 15.a (TL)		1TL (1,0)		
			Vận dụng thấp - Vận dụng được sự đồng quy của các đường trung tuyến, đường phân giác trong tam giác để giải các bài toán liên quan. Câu 15.b (TL)			1TL (0,5)	

Tổng		13	3	2	1
Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung		70%		30%	